

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 05 - 06 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | 07 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | 08 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 09 - 30 |

0101
C
CÔNG
KI
VII
(T
N 3.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

| | | |
|----------------------------|-----------------------|------------|
| Hội đồng thành viên | Ông Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch |
| | Ông Dương Văn Thành | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Châu Sinh | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Huy Phương | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên |

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

| | | |
|---------------------|-----------------------|-------------------|
| Ban Giám đốc | Ông Phạm Hữu Tấn | Tổng Giám đốc |
| | Ông Dương Văn Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Viết Nhâm | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Huy Phương | Kế toán trưởng |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

10-0
ẢNH
ĐP DI
OẢI
TẠI
NỘI)
CỖ

Số. 92/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm viên 1806-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (TP. HÀ NỘI)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Tiên Trình
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm viên 1806-2013-075-1



CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|------------|------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 51.903.081.940 | 28.131.913.445 |
| I- Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |
| 1. Tiền | 111 | | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |
| II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.906.436.949 | 8.999.418.229 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 8.911.732.685 | 7.844.858.965 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 328.522.264 | 169.683.264 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 5.2 | 1.705.617.330 | 984.876.000 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | (39.435.330) | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.3 | 1.115.211.892 | 1.407.578.854 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.115.211.892 | 1.407.578.854 |
| V- Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.335.539.374 | 410.048.783 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 94.148.783 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 23.204.498.450 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 5.4 | 648.958.801 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 5.5 | 482.082.123 | 315.900.000 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 340.001.682.340 | 342.426.299.971 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 984.876.000 | 112.714.000 |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | 5.6 | 984.876.000 | 112.714.000 |
| II Tài sản cố định | 220 | | 330.333.341.550 | 336.500.189.881 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 330.333.341.550 | 336.428.008.063 |
| - Nguyên giá | 222 | | 462.740.329.174 | 455.768.615.947 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (132.406.987.624) | (119.340.607.884) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 5.8 | - | 72.181.818 |
| III Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.174.361.847 | 5.174.361.847 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 5.9 | 3.504.361.847 | 3.504.361.847 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 5.10 | 1.670.000.000 | 1.670.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.509.102.943 | 639.034.243 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.11 | 3.509.102.943 | 639.034.243 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 391.904.764.280 | 370.558.213.416 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| NGUỒN VỐN | MS TM | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|-----------------|------------------------|------------------------|
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | 173.371.932.029 | 169.985.056.093 |
| I- Nợ ngắn hạn | 310 | 64.638.795.936 | 20.412.159.076 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 5.12 | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 35.843.538.438 | 2.380.306.260 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 1.006.908.171 | 264.327.349 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 5.4 | 5.310.000 | 880.885.079 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 4.637.305.750 | 4.735.529.934 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 5.13 | 381.575.500 | 65.000.000 |
| 9. Các khoản phải trả, nộp khác | 319 5.14 | 19.788.607.322 | 9.085.494.852 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | 598.350.755 | 1.823.415.602 |
| II- Nợ dài hạn | 330 | 108.733.136.093 | 149.572.897.017 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 5.15 | 54.000.000 | 239.724.811 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 5.16 | 106.023.486.093 | 145.629.647.206 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 5.17 | 2.655.650.000 | 3.703.525.000 |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | 218.532.832.251 | 200.573.157.323 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 5.18 | 218.532.832.251 | 200.573.157.323 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 158.407.466.403 | 158.407.466.403 |
| 5. Chênh lệch đánh giá tài sản | 415 | 42.165.690.920 | 42.165.690.920 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | (1.196.507.198) | - |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | 19.156.182.126 | - |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | 391.904.764.280 | 370.558.213.416 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Chỉ tiêu | TM | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|----------------------------|----|-------------------|-------------------|
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 179.030.770 | 179.030.770 |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | 67.308,32 | 67.253,31 |

Cam Ranh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Nguyễn Tú Anh

Nguyễn Huy Phương

Phạm Hữu Tấn



CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

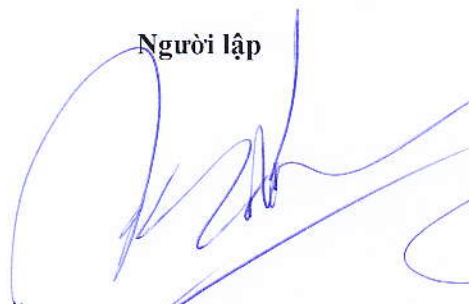
| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------|------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.20 | 116.528.078.707 | 98.085.606.635 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 5.20 | 116.528.078.707 | 98.085.606.635 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.21 | 94.571.431.551 | 81.969.397.544 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 21.956.647.156 | 16.116.209.091 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.22 | 918.841.662 | 1.421.580.868 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.23 | 8.885.395.500 | 9.957.338.466 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 8.883.949.870 | 9.956.545.418 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 5.24 | 333.954.524 | 292.433.546 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.25 | 14.930.381.180 | 10.165.646.260 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | (1.274.242.386) | (2.877.628.313) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 5.26 | 1.563.676.411 | 587.714.020 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 5.26 | 95.435.345 | 134.415.278 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 1.468.241.066 | 453.298.742 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 193.998.680 | (2.424.329.571) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.27 | - | 1.326.216.733 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 193.998.680 | (3.750.546.304) |

Cam Ranh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

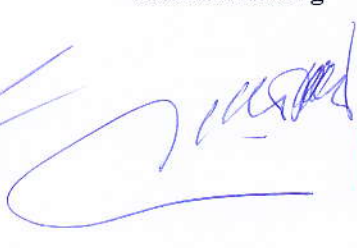
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Nguyễn Tú Anh



Nguyễn Huy Phương



Phạm Hữu Tấn

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

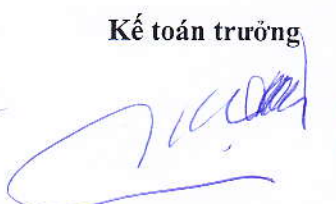
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

| CHỈ TIÊU | MS | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|----|------------------|-----------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | 193.998.680 | (2.424.329.571) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 2 | 13.634.156.874 | 10.968.823.652 |
| - Các khoản dự phòng | 3 | 39.435.330 | 5.238.137 |
| - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 4 | (8.029.135) | - |
| - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư | 5 | (1.070.812.527) | (1.370.259.837) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | 8.883.949.870 | 9.956.545.418 |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | 8 | 21.672.699.092 | 17.136.017.799 |
| - Giảm các khoản phải thu | 9 | (25.868.460.774) | (690.423.602) |
| - Tăng/giảm hàng tồn kho | 10 | 292.366.962 | (218.025.182) |
| - Tăng các khoản phải trả | 11 | 15.815.587.991 | 3.786.584.799 |
| - Tăng chi phí trả trước | 12 | 829.658.268 | 1.516.085.662 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (2.236.650.889) | (1.110.999.263) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (1.223.197.615) | (1.173.252.964) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (58.982.123) | (2.408.069.672) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 9.223.020.912 | 16.837.917.577 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (7.539.490.361) | (3.683.102.727) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH | 22 | 160.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (32.000.000.000) | 8.000.000.000 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi | 24 | 32.000.000.000 | (8.000.000.000) |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 578.700.000 | 980.259.837 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (6.800.790.361) | (2.702.842.890) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.177.200.000) | (1.177.200.000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (3.022.033.540) | (3.000.332.656) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (4.199.233.540) | (4.177.532.656) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (1.777.002.989) | 9.957.542.031 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 17.314.867.579 | 7.357.325.548 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 8.029.135 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.533.396.367 VND, là số tiền phát sinh liên quan đến các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cam Ranh, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Người lập

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương



Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Tấn

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Tên công ty viết tắt: CẢNG CAM RANH

Vốn điều lệ công ty là 66.286.902.136 đồng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Chủ sở hữu là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam do phòng đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/12/1995.

Trụ sở chính tại số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2014 là: 187 người (tại ngày 31/12/2013 là: 197 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quản lý khai thác cảng biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa. Sửa chữa tàu biển. Đại lý, môi giới, cung ứng dịch vụ hàng hải. Dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển. Vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa ven biển;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Hoạt động quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | 2014 |
|----------------------------|-------------|
| | Số năm |
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 08 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 30 |
| Phương tiện vận tải | 03 - 05 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 06 - 10 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa được phản ánh ban đầu theo nguyên giá.

Chi phí liên quan đến công cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền nhận trước từ kinh doanh cho thuê kho và phí sử dụng đường nội bộ tại Cảng. Khoản doanh thu chưa thực hiện được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho thuê từ 3 - 8 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất quy định hiện hành đối với lợi nhuận thu được kể từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động kinh doanh có lãi.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 72.899.514 | 479.347.470 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.472.994.211 | 16.835.520.109 |
| Tổng | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |

5.2. Các khoản phải thu khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách nhà nước | - | 984.876.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 65.410.081 | - |
| Bảo hiểm y tế | 6.494.527 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 2.185.060 | - |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | 1.631.527.662 | - |
| Tổng | 1.705.617.330 | 984.876.000 |

5.3. Hàng tồn kho

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 161.478.657 | 244.533.181 |
| Công cụ dụng cụ | 544.340.011 | 689.328.784 |
| Hàng hoá | 409.393.224 | 473.716.889 |
| Tổng | 1.115.211.892 | 1.407.578.854 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

| | Số phải thu 01/01/2014 | Số phải trả 01/01/2014 | Số đã nộp | Số phải nộp | Số phải thu 31/12/2014 | Số phải trả 31/12/2014 |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------|---------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế | - | 880.885.079 | 6.224.492.867 | 4.699.958.987 | 648.958.801 | 5.310.000 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 305.406.265 | 3.464.928.487 | 3.159.522.222 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 574.238.814 | 1.223.197.615 | - | 648.958.801 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 1.240.000 | 230.389.965 | 234.459.965 | - | 5.310.000 |
| Tiền thuê đất | - | - | 1.305.976.800 | 1.305.976.800 | - | - |
| Các khoản phải nộp khác | - | - | 37.702.665 | 37.702.665 | - | - |
| Các khoản nộp phạt | - | - | 37.702.665 | 37.702.665 | - | - |
| Tổng | - | 880.885.079 | 6.262.195.532 | 4.737.661.652 | 648.958.801 | 5.310.000 |

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tạm ứng | 423.100.000 | 315.900.000 |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 58.982.123 | - |
| Tổng | 482.082.123 | 315.900.000 |

5.6. Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khẩu trừ tiền thuê đất Ngân sách nhà nước | 984.876.000 | - |
| Phải thu dài hạn khác | - | 112.714.000 |
| Tổng | 984.876.000 | 112.714.000 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2014 | 423.844.501.526 | 21.757.854.581 | 9.226.591.218 | 939.668.622 | 455.768.615.947 |
| Tăng trong năm | 5.835.744.906 | - | 1.703.745.455 | - | 7.539.490.361 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.835.744.906 | - | 1.703.745.455 | - | 7.539.490.361 |
| Giảm trong năm | - | 57.142.857 | 470.725.186 | 39.909.091 | 567.777.134 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 57.142.857 | 470.725.186 | 39.909.091 | 567.777.134 |
| Số dư tại 31/12/2014 | 429.680.246.432 | 21.700.711.724 | 10.459.611.487 | 899.759.531 | 462.740.329.174 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2014 | 104.549.761.256 | 8.333.612.784 | 6.034.569.600 | 422.664.244 | 119.340.607.884 |
| Tăng trong năm | 10.792.760.986 | 1.827.028.320 | 860.237.348 | 154.130.220 | 13.634.156.874 |
| Khấu hao trong năm | 10.792.760.986 | 1.827.028.320 | 860.237.348 | 154.130.220 | 13.634.156.874 |
| Giảm trong năm | - | 57.142.857 | 470.725.186 | 39.909.091 | 567.777.134 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 57.142.857 | 470.725.186 | 39.909.091 | 567.777.134 |
| Số dư tại 31/12/2014 | 115.342.522.242 | 10.103.498.247 | 6.424.081.762 | 536.885.373 | 132.406.987.624 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2014 | 319.294.740.270 | 13.424.241.797 | 3.192.021.618 | 517.004.378 | 336.428.008.063 |
| Tại 31/12/2014 | 314.337.724.190 | 11.597.213.477 | 4.035.529.725 | 362.874.158 | 330.333.341.550 |

(*) Nguyên giá đầu kỳ của Máy móc thiết bị 21.757.854.581 đồng đã bao gồm Xe cầu Kamaz có nguyên giá là 930.000.000 đồng, hao mòn lũy kế là 930.000.000 đồng. Theo nghị quyết 3713/NQ-HHVN ngày 24/10/2014 thì tài sản này đã được Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chấp nhận đưa vào danh mục tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa. Tuy nhiên, tài sản này vẫn đang được trình bày trên doanh mục tài sản đánh giá lại, theo đó đã làm cho vốn Nhà nước tăng 186.100.525 đồng, giá trị này Công ty sẽ lập văn bản trình Ban chỉ Đạo cổ phần hóa điều chỉnh tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 13.047.922.523 đồng (tại 31/12/2013: 11.221.434.422 đồng).

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 72.181.818 | 75.968.545 |
| Tăng trong năm | 11.072.886.728 | 3.683.102.727 |
| Kết chuyển tăng tài sản hữu hình | 7.539.490.361 | 3.686.889.454 |
| Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | 768.378.185 | - |
| Chuyển sang công cụ dụng cụ | 2.837.200.000 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 | - | 72.181.818 |
| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Dự án kho bãi phía tây | - | 72.181.818 |
| Tổng | - | 72.181.818 |

5.9. Đầu tư vào công ty con

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh(*) | 3.504.361.847 | 3.504.361.847 |
| Tổng | 3.504.361.847 | 3.504.361.847 |

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201228688 ngày 09 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh với số tiền 3.060.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn đã đăng ký.

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện định giá xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển hình thức từ công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Theo đó, giá trị đầu tư vào Công ty con sau khi xác định lại với giá trị là 3.504.361.847 đồng, tăng 444.361.847 đồng so với số vốn thực góp.

5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

| | 31/12/2014 | | 01/01/2014 | |
|---|-------------------|----------------|-------------------|----------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu | CP | VND | CP | VND |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh | 5.000 | 500.000.000 | 5.000 | 500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh | 117.000 | 1.170.000.000 | 117.000 | 1.170.000.000 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

| | Năm 2014 | Năm 2013 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 639.034.243 | 1.659.405.313 |
| Tăng trong năm | 3.169.410.909 | 514.879.545 |
| Điều chỉnh tăng theo cổ phần hóa | - | 121.698.756 |
| Phân bổ vào chi phí trong năm | 299.342.209 | 672.073.371 |
| Giảm khác | - | 984.876.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 3.509.102.943 | 639.034.243 |

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 3.408.739.307 | 494.179.400 |
| Giá trị lợi thuế kinh doanh khi cổ phần hóa | 100.363.636 | 100.363.636 |
| Chi phí khác | - | 44.491.207 |
| Tổng | 3.509.102.943 | 639.034.243 |

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam | 1.200.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP An Bình - CN Nha Trang | 1.177.200.000 | 1.177.200.000 |
| Tổng | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |

5.13. Chi phí phải trả

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí tiền ăn ca | 321.575.500 | - |
| Chi phí khác | 60.000.000 | 65.000.000 |
| Tổng | 381.575.500 | 65.000.000 |

5.14. Các khoản phải trả phải, nộp khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 2.796.702 | 2.803.662 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 40.544.958 |
| Bảo hiểm y tế | - | 982.573 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 50.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 19.735.810.620 | 9.040.801.409 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 362.250 |
| Tổng | 19.788.607.322 | 9.085.494.852 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả (được gia hạn) | 15.492.845.136 | 8.845.546.155 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | 4.153.804.708 | - |
| Quỹ dự phòng khoán cầu | 22.891.876 | 10.271.876 |
| Quỹ dự phòng bảo dưỡng ben cát | 66.268.900 | 27.212.900 |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | - | 157.770.478 |
| Tổng | 19.735.810.620 | 9.040.801.409 |

5.15. Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả dài hạn khác | 54.000.000 | 239.724.811 |
| Tổng | 54.000.000 | 239.724.811 |

5.16. Vay và nợ dài hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vay tổ chức tín dụng | 108.400.686.093 | 7.059.600.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*) | 102.518.286.093 | - |
| Ngân hàng TMCP An Bình - CN Nha Trang (**) | 5.882.400.000 | 7.059.600.000 |
| Nợ dài hạn khác | - | 139.747.247.206 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | - | 139.747.247.206 |
| Trừ nợ dài hạn đến hạn trả | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*) | 1.200.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP An Bình - CN Nha Trang (**) | 1.177.200.000 | 1.177.200.000 |
| Tổng | 106.023.486.093 | 145.629.647.206 |

(*) Khoản vay này là hình thức nhận nợ lại của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị công trình Cầu Cảng 50.000 DWT, theo Giấy nhận nợ số 01.26KUNN/CCR ngày 26/12/2014 và Biên bản làm việc giữa 3 bên, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cảng Cam Ranh. Tại thời điểm nhận nợ, nợ gốc vay là 102.518.286.093 VND, lãi vay đến 31/12/2014 là 15.492.845.136 VND. Lãi suất 8% năm.

() Hợp đồng tín dụng số 0208/11/TD/11, ngày 06 tháng 12 năm 2011**

| | |
|-----------------------------------|---|
| Số tiền được vay | 9.414.000.000 đồng |
| Mục đích vay | Tài trợ dự án lắp đặt trụ cầu cố định tại bến số 1 Cảng Cam Ranh |
| Thời hạn vay | 96 tháng, kể từ ngày 06/12/2011 |
| Lãi suất vay | Lãi suất 19,8%, thay đổi với chu kỳ 3 tháng 1 lần |
| Hình thức đảm bảo tiền vay | Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị của cầu tàu Liebherr trị giá 13.370.000.000 VND |
| Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014 | 5.882.400.000 đồng |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Chi tiết lịch trả nợ vay dài hạn

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 10.705.200.000 | 5.882.400.000 |
| Trên 5 năm | 95.318.286.093 | 139.747.247.206 |
| <i>Trừ khoản đã phân loại sang nợ ngắn hạn</i> | 2.377.200.000 | 1.177.200.000 |
| Tổng | 106.023.486.093 | 145.629.647.206 |

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cho sử dụng đường nội bộ | 1.294.441.000 | 1.632.120.000 |
| Doanh thu cho thuê kho | 1.361.209.000 | 2.071.405.000 |
| Tổng | 2.655.650.000 | 3.703.525.000 |



CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18. Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư XDCB | Tổng |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Số dư tại 01/01/2013 | 66.286.902.136 | | 481.445.385 | 2.204.989.022 | 4.500.554.330 | - | 73.473.890.873 |
| Tăng trong năm | 94.614.445.193 | 42.165.690.920 | 2.204.989.022 | - | 2.493.880.926 | - | 141.479.006.061 |
| Kết chuyển nguồn (*) | 2.686.434.407 | - | 2.204.989.022 | - | 2.493.880.926 | - | 7.385.304.355 |
| Tăng vốn (**) | 91.617.145.876 | - | - | - | - | - | 91.617.145.876 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng (*) | 310.864.910 | - | - | - | - | - | 310.864.910 |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | 42.165.690.920 | - | - | - | - | 42.165.690.920 |
| Giảm trong năm | 2.493.880.926 | - | 2.686.434.407 | 2.204.989.022 | 6.994.435.256 | - | 14.379.739.611 |
| Lợi nhuận chuyển về chủ sở hữu | - | - | - | - | 3.000.332.656 | - | 3.000.332.656 |
| Lỗi trong năm | - | - | - | - | 3.750.546.304 | - | 3.750.546.304 |
| Kết chuyển nguồn (*) | 2.493.880.926 | - | 2.686.434.407 | 2.204.989.022 | - | - | 7.385.304.355 |
| Giảm khác | - | - | - | - | 243.556.296 | - | 243.556.296 |
| Số dư tại 31/12/2013 | 158.407.466.403 | 42.165.690.920 | - | - | - | - | 200.573.157.323 |
| Số dư tại 01/01/2014 | 158.407.466.403 | 42.165.690.920 | - | - | - | - | 200.573.157.323 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 193.998.680 | 19.156.182.126 | 19.350.180.806 |
| Lợi nhuận sau thuế | - | - | - | - | 193.998.680 | - | 193.998.680 |
| Tăng khác (**) | - | - | - | - | - | 19.156.182.126 | 19.156.182.126 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 1.390.505.878 | - | 1.390.505.878 |
| Lợi nhuận chuyển về chủ sở hữu | - | - | - | - | 1.390.505.878 | - | 1.390.505.878 |
| Số dư tại 31/12/2014 | 158.407.466.403 | 42.165.690.920 | - | - | (1.196.507.198) | 19.156.182.126 | 218.532.832.251 |

(*) Điều chỉnh số liệu theo giá trị cổ phần hóa về việc xử lý hoàn nhập vốn chủ sở hữu đối với quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

(**) Đây là giá trị quyết toán giá trị cầu cảng bến số 2, Công ty nhận bàn giao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và ghi tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2013 và ghi tăng nguồn vốn xây dựng cơ bản năm 2014.

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

| | Vốn theo đăng ký kinh doanh | Số đã thực góp đến 31/12/2014 | Tỷ lệ |
|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------|
| | VND | VND | % |
| Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam | 66.286.902.136 | 66.286.902.136 | 100,0% |
| Tổng | 66.286.902.136 | 66.286.902.136 | 100% |

Trong năm 2013, Công ty ghi tăng vốn chủ sở hữu giá trị nhận bàn giao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị quyết toán cầu cảng bến số 2 và hoàn nhập quỹ dự phòng phải thu khó đòi khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, chi tiết;

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Tại ngày 01 tháng 01 | 158.214.912.922 | 66.286.902.136 |
| <i>Tăng trong năm</i> | | 91.928.010.786 |
| Tăng vốn nhận giá trị bàn giao cầu cảng bến số 2 | - | 91.617.145.876 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng phải thu khó đòi | - | 310.864.910 |
| <i>Giảm trong năm</i> | | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 158.214.912.922 | 158.214.912.922 |

d. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 2.686.434.407 | 2.686.434.407 |
| Tổng | 2.686.434.407 | 2.686.434.407 |

5.19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 29.686.750.785 | 22.524.322.087 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 86.841.327.922 | 75.561.284.548 |
| Tổng | 116.528.078.707 | 98.085.606.635 |

5.20. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 28.891.132.215 | 21.876.770.713 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 65.680.299.336 | 60.092.626.831 |
| Tổng | 94.571.431.551 | 81.969.397.544 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 332.112.527 | 288.266.875 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 578.700.000 | 1.118.300.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 15.013.993 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 8.029.135 | - |
| Tổng | 918.841.662 | 1.421.580.868 |

5.22. Chi phí tài chính

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 8.883.949.870 | 9.956.545.418 |
| Chi phí tài chính khác | 1.445.630 | 793.048 |
| Tổng | 8.885.395.500 | 9.957.338.466 |

5.23. Chi phí bán hàng

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên | 220.800.000 | 175.620.000 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 54.507.329 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 33.641.740 | 57.832.500 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 25.005.455 | - |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 58.981.046 |
| Tổng | 333.954.524 | 292.433.546 |

5.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 9.234.542.167 | 5.830.531.918 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 259.663.016 | 392.220.644 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 196.090.709 | 144.199.637 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 794.250.860 | 613.894.032 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.310.976.800 | 666.812.891 |
| Chi phí dự phòng | 39.435.330 | 5.238.137 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.145.417.085 | 1.226.080.823 |
| Chi phí bằng tiền khác | 950.005.213 | 1.286.668.178 |
| Tổng | 14.930.381.180 | 10.165.646.260 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25. Thu nhập và chi phí khác

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | 1.563.676.411 | 587.714.020 |
| Thu do nhận bồi thường | 46.047.246 | - |
| Thu do thanh lý tài sản cố định | 160.000.000 | - |
| Thưởng giải phóng tàu nhanh | 1.356.102.916 | 576.291.410 |
| Thu nhập khác | 1.526.249 | 11.422.610 |
| Tổng | 1.563.676.411 | 587.714.020 |
| Chi phí khác | 95.435.345 | 134.415.278 |
| Chi phí bồi thường | 57.732.680 | 128.000.000 |
| Phạt vi phạm hành chính về thuế | 37.702.665 | - |
| Chi phí khác | | 6.415.278 |
| Tổng | 95.435.345 | 134.415.278 |
| Thu nhập khác/chi phí khác thuần | 1.468.241.066 | 453.298.742 |

5.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán | 193.998.680 | (2.424.329.571) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 37.702.665 | 8.847.496.501 |
| - Phạt vi phạm hành chính về thuế | 37.702.665 | - |
| - Chi phí không được trừ | - | 8.847.496.501 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 578.700.000 | 1.118.300.000 |
| - Cổ tức được chia | 578.700.000 | 1.118.300.000 |
| Thu nhập chịu thuế | (346.998.655) | 5.304.866.930 |
| Thuế suất thuế TNDN áp dụng | 22% | 25% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 1.326.216.733 |

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.213.938.107 | 2.977.319.602 |
| Chi phí nhân công | 27.682.204.504 | 26.459.774.048 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.634.156.874 | 10.968.823.652 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 30.560.065.949 | 28.627.089.083 |
| Chi phí khác bằng tiền | 6.196.086.503 | 1.517.700.252 |
| Tổng | 81.286.451.937 | 70.550.706.637 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****A. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

| Bên liên quan | Tính chất | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|--------------------------|-----------------|-----------------|
| Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc | Lương, thưởng và thù lao | 1.834.685.000 | 2.172.852.000 |

B. Giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|---|-------------|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Giao dịch bán | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | Công ty con | Mua nguyên liệu | 826.908.247 | 477.106.486 |
| | | Thuê Ca nô, thuê xe, cước bốc xếp | 15.454.545 | 197.783.173 |
| | | Tiền thuê nhà | 20.000.000 | |
| | | Mua xe ô tô | 160.000.000 | - |
| Tổng | | | 1.022.362.792 | 674.889.659 |

Giao dịch mua

| | | | | |
|--|-------------|------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 3.900.023.350 | 2.194.588.836 |
| Tổng | | | 3.900.023.350 | 2.194.588.836 |

Giao dịch khác

| | | | | |
|--|-------------|-----------------------------|---------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | Công ty con | Nhận cổ tức | 367.200.000 | 321.300.000 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Công ty mẹ | Chi phí lãi vay | 8.039.626.856 | 8.845.546.155 |
| | | Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu | 1.631.527.662 | 3.000.332.656 |
| | | Nhận bàn giao cầu cảng số 2 | - | 182.137.840.280 |
| | | Quyết toán dự án bến số 2 | 1.705.424.775 | - |
| | | Tổng | | 11.743.779.293 |

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

C. Số dư với các bên liên quan**Số dư các bên liên quan**

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|-------------|---------------------|--------------------|--------------------|
| <u>Số dư nợ phải trả</u> | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 183.505.355 | 245.060.310 |
| Tổng | | | 183.505.355 | 245.060.310 |

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|--|-------------|---------------------|-------------------|-------------------|
| <u>Số dư nợ phải thu</u> | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | Công ty mẹ | Mua nguyên liệu | 16.537.520 | 15.634.600 |
| Tổng | | | 16.537.520 | 15.634.600 |

Phải thu khác

| | | | | |
|--------------------------------|------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Công ty mẹ | Thu tiền chi hộ | - | 1.705.424.775 |
| | | Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu | 1.631.527.662 | - |
| Tổng | | | 1.631.527.662 | 1.705.424.775 |

Phải trả khác

| | | | | |
|--------------------------------|------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Công ty mẹ | Giá trị cầu cảng bến số 2 | - | 182.137.840.280 |
| | | Chi phí lãi vay | 15.492.845.136 | 8.845.546.155 |
| Tổng | | | 15.492.845.136 | 190.983.386.435 |



6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 và 5.17, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 108.400.686.093 | 146.806.847.206 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |
| Nợ thuần | 92.854.792.368 | 129.491.979.627 |
| Vốn chủ sở hữu | 218.532.832.251 | 200.573.157.323 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 42,49% | 64,56% |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.545.893.725 | 17.314.867.579 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 11.562.790.685 | 8.942.448.965 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 1.670.000.000 | 1.670.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | 58.982.123 | - |
| Tổng | 28.837.666.533 | 27.927.316.544 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 108.400.686.093 | 146.806.847.206 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 55.686.145.760 | 11.705.525.923 |
| Chi phí phải trả | 381.575.500 | 65.000.000 |
| Tổng | 164.468.407.353 | 158.577.373.129 |

6.2 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| Tên đối tượng | Công nợ | | Tài sản | |
|----------------|------------|------------|----------------------|----------------------|
| | 31/12/2014 | 01/01/2014 | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | - | - | 1.439.051.882 | 1.414.740.629 |
| Tổng | - | - | 1.439.051.882 | 1.414.740.629 |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2 Công cụ tài chính (tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 39.435.330 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| Tại 31/12/2014 | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------|
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 55.632.145.760 | 54.000.000 | 55.686.145.760 |
| Chi phí phải trả | 381.575.500 | - | 381.575.500 |
| Các khoản vay | 2.377.200.000 | 106.023.486.093 | 108.400.686.093 |
| Tại 01/01/2014 | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 11.465.801.112 | 239.724.811 | 11.705.525.923 |
| Chi phí phải trả | 65.000.000 | - | 65.000.000 |
| Các khoản vay | 1.177.200.000 | 145.629.647.206 | 146.806.847.206 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

| Tại 31/12/2014 | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 15.545.893.725 | - | 15.545.893.725 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 10.577.914.685 | 984.876.000 | 11.562.790.685 |
| Đầu tư tài chính khác | - | 1.670.000.000 | 1.670.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | 58.982.123 | - | 58.982.123 |
| Tại 01/01/2014 | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.314.867.579 | - | 17.314.867.579 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 8.829.734.965 | 112.714.000 | 8.942.448.965 |
| Đầu tư tài chính khác | - | 1.670.000.000 | 1.670.000.000 |

6.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số dư đầu kỳ đã được trình bày lại theo số liệu công bố xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi công ty từ hình thức Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Nguyễn Tú Anh



Nguyễn Huy Phương



Phạm Hữu Tấn